

-----  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUẢN LÝ CÔNG VÀ CHÍNH SÁCH**  
**BẰNG TIẾNG ANH**  
**(E-PMP)**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. THÔNG TIN CHUNG**

- |                              |                                 |
|------------------------------|---------------------------------|
| - Tên học phần (Tiếng Việt): | <i>Tiếng Trung 1</i>            |
| - Tên học phần (Tiếng Anh):  | <i>Chinese 1</i>                |
| - Mã học phần:               | <i>EPMP_BT12</i>                |
| - Thuộc khối kiến thức:      | <i>Các học phần bổ trợ khác</i> |
| - Số tín chỉ:                | <i>3</i>                        |
| - Các học phần tiên quyết:   | <i>Không</i>                    |

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH:**

*Bộ môn Quản lý xã hội*

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản. Các bài khoá giảng dạy trong học phần có chủ đề gần gũi với môi trường học tập và cuộc sống hàng ngày, giúp sinh viên có nhận thức cơ bản về Hán ngữ và có khả năng vận dụng vào giao tiếp xã hội cơ bản. Nội dung giảng dạy được thiết kế giúp sinh viên phát triển đồng đều cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết), tạo nền tảng để sinh viên phát triển khả năng Hán ngữ trong tương lai.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Giáo trình bắt buộc:**

1. 荣继华 (2011), 发展汉语 (第二版): 初级综合 (I), 北京语言大学出版社, 北京。  
Rong, Jihua (2011) Developing Chinese (2<sup>nd</sup> Edition): Elementary Comprehensive Course (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.
2. 么书君 (2011), 发展汉语 (第二版) 初级听力 (I), 北京语言大学出版社, 北京。  
Ma, Shujun (2011) Developing Chinese (2<sup>nd</sup> Edition): Elementary Listening Course (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

**Tài liệu tham khảo:**

1. 康玉华 & 来思平 (2005), 汉语会话 301-上 (第三版), 北京语言大学出版社, 北京。

Kang, Yuhua & Lai, Siping (2005), Conversational Chinese 301-1 (3<sup>rd</sup> Edition), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G2 (Kỹ năng)	Lặp lại được các hoạt động truyền thông bằng lời nói, văn bản trong truyền tải thông tin về cá nhân, nhóm và tổ chức sử dụng tiếng Trung	KN4	2
G3 (Mức tự chủ và trách nhiệm)	Rèn luyện trở thành công dân toàn cầu, làm việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội	NLTC1	3

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Mục tiêu học phần	CDR (CLO <sub>x.x</sub> )	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G2 (Kỹ năng)	CLO2.1	Có kỹ năng bắt chước được các hoạt động truyền thông bằng lời nói, văn bản trong truyền tải thông tin tổ chức	2
	CLO2.2	Có kỹ năng làm theo những nhiệm vụ được hướng dẫn trong làm việc nhóm	2
	CLO2.3	Có kỹ năng lặp lại những hội thoại giới thiệu về bản thân và	2

		phỏng vấn	
G3 (Mức tự chủ và trách nhiệm)	CLO3.1	Trở thành công dân toàn cầu	3
	CLO3.2	Hành động có trách nhiệm xã hội	3

## 7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức đánh giá	Nội dung	Thời điểm	CDR học phần	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình	Sự có mặt và tham gia vào các hoạt động trên lớp của sinh viên	12 tuần	3.1, 3.2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tham gia lớp học đầy đủ.</li> <li>- Mức độ chuẩn bị bài học từ nhà (đầy đủ, kỹ lưỡng)</li> <li>- Mức độ tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên (số lần và chất lượng ý kiến trả lời)</li> <li>- Mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên (số lần và chất lượng câu hỏi)</li> </ul>	10%
Bài kiểm tra cá nhân 1	Bài 1, 2, 3, 4, 5	Tuần 6	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	2 bài kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm, mỗi bài bao gồm 50 câu hỏi, được thực hiện trong 50 phút, lấy điểm cao nhất để đánh giá	20%
Bài kiểm tra cá nhân 2	Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	Tuần 10	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	- Mức độ hoàn thành bài tập cá nhân (đúng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của	

				chuẩn đầu ra học phần)	
Thuyết trình nhóm	Bài 9, 10, 11	Tuần 11, 12	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	Mỗi nhóm sẽ chuẩn bị bài luận theo chủ đề được giao với độ dài từ 100-300 từ, viết tay, chuyển cho giáo viên trước mỗi buổi thuyết trình. Nhóm có 10 phút để thuyết trình về chủ đề đã chọn và trả lời các câu hỏi liên quan (tối đa 10 câu hỏi). - Mức độ hoàn thành bài tập nhóm, thuyết trình (đúng hạn, chất lượng nội dung và thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên và lớp gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần).	20%
Thi hết học phần	Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12	Sau khi kết thúc 12 tuần học	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	Đề thi viết, theo hình thức kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Thực hiện trong 90 phút. - Mức độ hoàn thành bài thi tự luận cá nhân cuối kỳ (chất lượng bài thi gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần)	50%

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]

1	<p>第一课：汉语简介</p> <p>你好</p> <p>Bài 1: Giới thiệu chung về ngôn ngữ tiếng Trung</p> <p>Xin chào</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Âm tiết</li> <li>- Thanh mẫu (1) và vận mẫu (1)</li> <li>- Thanh điệu</li> <li>- Đại từ: 您</li> <li>- Nét viết cơ bản (1)</li> <li>- Quy tắc viết (1)</li> </ul> <p>作业：综合练习</p> <p>Bài tập tổng hợp làm ở nhà</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	Đánh giá quá trình 10%
2	<p>第二课：你是哪人国人</p> <p>Bài 2: Bạn là người nước nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh mẫu (2) và vận mẫu (2)</li> <li>- Thanh nhẹ</li> <li>- Trợ từ: 呢 (1)</li> <li>- Nét viết cơ bản (2)</li> <li>- Quy tắc viết (2)</li> </ul> <p>作业：综合练习</p> <p>Bài tập tổng hợp làm ở nhà</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	Đánh giá quá trình 10%
3	<p>第三课：你叫什么名字</p> <p>Bài 3: Tôi đã chuyển nhà rồi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh mẫu (3)</li> <li>- Vận mẫu (3)</li> <li>- Biểu đạt sự lễ phép: 贵姓</li> <li>- Nét viết cơ bản (3)</li> <li>- Quy tắc viết (3)</li> </ul> <p>作业：综合练习</p> <p>Bài tập tổng hợp làm ở nhà</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	Đánh giá quá trình 10%
4	<p>第四课：请问，您贵姓</p> <p>Bài 4: Xin hỏi quý tính của ngài</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1,	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p>	Đánh giá quá trình

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành ngữ âm 1</li> <li>- Sử dụng Hán ngữ trong lớp học</li> </ul> <p>Số đếm: 1-10</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu họ và tên bằng tiếng Trung</li> <li>- Thực hành nghe hội thoại và bài khóa 1</li> </ul> <p>作业: 听力练习</p> <p>Bài tập nghe ở nhà</p>	3.2	<p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	10%
5	<p>第五课: 你学习法语吗?</p> <p>Bài 5: Bạn học tiếng Pháp có phải không</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc viết phiên âm (1)</li> <li>- Biến điệu của thanh 3</li> <li>- Biến điệu của “不”</li> <li>- Câu vị ngữ động từ</li> <li>- Sử dụng “吗” trong câu nghi vấn</li> <li>- Nét viết cơ bản (4)</li> <li>- Quy tắc viết (4)</li> </ul> <p>作业: 综合练习</p> <p>Bài tập tổng hợp làm ở nhà</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	Đánh giá quá trình 10%
6	<p>第六课: 这是什么</p> <p>Bài 6: Đây là cái gì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành ngữ âm 2</li> <li>- Giới thiệu một số đồ vật bằng tiếng Trung</li> <li>- Thực hành nghe hội thoại và bài khóa 2</li> </ul> <p>作业: 听力练习</p> <p>Bài tập nghe ở nhà</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 1 tiết</p> <p>Bài kiểm tra cá nhân: 1 tiết (hình thức: trắc nghiệm)</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	Đánh giá quá trình 10% Bài kiểm tra cá nhân 1: 10%
7	<p>第七课: 你家有几口人</p>	2.1, 2.2,	Nghiên cứu trước	Đánh giá

	<p>Bài 7: Nhà bạn có bao nhiêu thành viên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc viết phiên âm (2)</li> <li>- Lượng từ: 口, 个</li> <li>- Sử dụng “几” và “多少”</li> <li>- Số từ: 1~100</li> <li>- “二” và “两”</li> <li>- Nét viết cơ bản (5)</li> <li>- Kết cấu chữ Hán (1)</li> </ul> <p>作业: 听力练习 (你有几本词典)</p> <p>Bài tập nghe ở nhà (Bạn có mấy quyển từ điển)</p>	2.3, 3.1, 3.2	<p>tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	<p>quá trình</p> <p>10%</p>
8	<p>第八课: 香蕉多少钱一斤</p> <p>Bài 8: Chuối bao nhiêu tiền nửa cân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc viết phiên âm (3)</li> <li>- Biến điệu của “一”</li> <li>- Trợ động từ: 想</li> <li>- Số từ: 100~99.999</li> <li>- Hỏi giá tiền bằng “多少钱” và “怎么卖”</li> <li>- Nét viết cơ bản (6)</li> <li>- Kết cấu chữ Hán (2)</li> </ul> <p>作业: 听力练习 (苹果多少钱一斤)</p> <p>Bài tập nghe ở nhà (Táo bao nhiêu tiền nửa cân)</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p> <p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	<p>Đánh giá</p> <p>quá trình</p> <p>10%</p>
9	<p>第九课: 中国银行在哪儿</p> <p>Bài 9: Ngân hàng Trung Quốc ở đâu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc viết phiên âm (4)</li> <li>- 儿化</li> </ul>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 4 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 2 tiết</p>	<p>Đánh giá</p> <p>quá trình</p> <p>10%</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu chỉ sự tồn tại (1)</li> <li>- Phương vị từ</li> <li>- Phụ từ: 还 (1)</li> <li>- “哪儿” và “在什么地方”</li> <li>- Trợ từ: 吧 (1)</li> <li>- Nét viết cơ bản (7)</li> <li>- Kết cấu chữ Hán (3)</li> </ul> <p>作业: 综合练习</p> <p>Bài tập tổng hợp làm ở nhà</p>		<p>Thực hành: 2 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	
10	<p>第十课: 今天几号</p> <p>Bài 10: Hôm nay ngày mấy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc viết phiên âm (5)</li> <li>- Thuyết trình (6) - Câu vị ngữ danh từ</li> <li>- Cách thức biểu thị ngày tháng</li> <li>- Câu hỏi sử dụng “对吗?”</li> <li>- 则么样(1)</li> <li>- Định ngữ (1) - Nét viết cơ bản (8)</li> <li>- Kết cấu chữ Hán (4)</li> </ul> <p>作业: 综合练习</p> <p>Bài tập tổng hợp làm ở nhà</p>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 3 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 1 tiết</p> <p>Thực hành: 1 tiết</p> <p>Bài kiểm tra cá nhân: 1 tiết (hình thức: trắc nghiệm)</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	<p>Đánh giá quá trình 10%</p> <p>Bài kiểm tra cá nhân 2: 10%</p>
11	<p>第十一课: 你今天有什么安排</p> <p>Bài 11: Kế hoạch ngày hôm nay của bạn là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc viết thanh điệu</li> <li>- Thuyết trình (7) - 先 ....., 然后...</li> <li>- 来/去+(O1)+V+O2</li> <li>- Trạng ngữ thời gian</li> <li>- Cách thức biểu thị thời gian</li> <li>- Bộ thủ (1)</li> <li>- Các tổ hợp từ với bộ thủ (1)</li> </ul>	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	<p>Nghiên cứu trước tài liệu</p> <p>Học ở lớp: 3 tiết</p> <p>Thuyết giảng: 1 tiết</p> <p>Thực hành: 1 tiết</p> <p>Thuyết trình nhóm: 1 tiết</p> <p>Luyện tập ở nhà: 2 tiết</p>	<p>Đánh giá quá trình 10%</p> <p>Thuyết trình: 20%</p>



	作业：综合练习 Bài tập tổng hợp làm ở nhà			
12	第十二课：这个星期天你忙不忙 Bài 12: Chủ nhật này bạn có bận không - Thực hành phát âm phiên âm - Thuyết trình (8) - Câu vị ngữ tính từ - Câu nghi vấn dạng chính phủ (1) (2) - “一下” và “一点儿” - Bộ thủ (2) - Các tổ hợp từ với bộ thủ (2) 作业：综合练习 Bài tập tổng hợp làm ở nhà	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	Nghiên cứu trước tài liệu Học ở lớp: 3 tiết Thuyết giảng: 1 tiết Thực hành: 1 tiết Thuyết trình nhóm: 1 tiết Luyện tập ở nhà: 2 tiết	Đánh giá quá trình 10% Thuyết trình: 20%
	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2	Kiểm tra: 90 phút	Bài kiểm tra trắc nghiệm 3 kỹ năng và bài viết luận

## 9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

### 9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Sinh viên sẽ được yêu cầu trả lời các câu hỏi vấn đáp ngẫu nhiên trong suốt

## 12 buổi học

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

### **9.2. Quy định về hành vi lớp học**

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi)

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**HIỆU TRƯỞNG**